

BÀI 2. CÁCH GHI SỐ TỰ NHIÊN (1 tiết)

1 Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

1.1. Về kiến thức

- Nhận biết được quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số (theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.
- Nhận biết được số La Mã không quá 30.

1.2. Về kĩ năng (năng lực)

- Đọc và viết được các số tự nhiên.
- Biểu diễn được số tự nhiên cho trước thành tổng giá trị các chữ số của nó.
- Đọc và viết được các số La Mã không quá 30.

1.3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

2 Những điểm cần lưu ý khi chuẩn bị bài giảng

2.1. Chuẩn bị trước khi lên lớp

- Đối với GV:
 - Để đỡ mất thời gian trên lớp, GV nên chuẩn bị sẵn các bảng theo mẫu trong sách như bảng 1 và bảng các số La Mã.
 - Hình ảnh đồng hồ với mặt số viết bằng số La Mã.
- Đối với HS: Ôn lại kiến thức đã học ở Tiểu học về cấu tạo thập phân của một số tự nhiên; sưu tầm các đồ dùng, tranh ảnh có số La Mã.

2.2. Vấn đề có thể khó




Cách biểu diễn số tự nhiên thành *tổng giá trị các chữ số của nó* là một vấn đề đáng chú ý. SGK trước đây đề cập vấn đề này không nhiều và được diễn đạt là: "Viết số tự nhiên dưới dạng *tổng các lũy thừa của 10*". Trong Toán 6, vấn đề này được quan tâm nhiều hơn vì nó thể hiện khá đặc trưng về biểu diễn số tự nhiên trong hệ thập phân. Tuy nhiên, do HS chưa được học về lũy thừa nên các thừa số 100, 1 000, ... không thể viết thành lũy thừa của 10. Vì vậy, sau bài *Lũy thừa với số mũ tự nhiên* (Bài 6), điều này sẽ được nhắc lại đầy đủ hơn.

3 Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học chủ yếu

Bài này có hai mục, thực hiện trong 1 tiết.

3.1. Thực hiện các cấu phần chính của bài học

1. HỆ THẬP PHÂN (25 phút)

CẤU PHẦN (Thời lượng)	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	GỢI Ý THỰC HIỆN, ĐÁP ÁN, TRẢ LỜI
 Đọc hiểu – Nghe hiểu (5 phút) Cách ghi số tự nhiên trong hệ thập phân	HS nhận biết được cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân và mối quan hệ giữa các hàng.	Cho HS tự đọc; GV nêu chú ý về chữ số đầu và về cách viết.  Trả lời: Viết được bốn số là 120; 210; 102; 201 (không viết 012 và 021).
 Tim tòi – Khám phá (5 phút) Giá trị các chữ số của một số tự nhiên	HS hiểu giá trị mỗi chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.	HĐ1. Cho HS phát biểu theo mẫu câu đã cho. GV viết đầy đủ trên bảng cho thẳng cột để cộng lại theo cột đi đến HĐ2 và kết luận.
Ví dụ Luyện tập (8 phút)	Củng cố kết luận đã suy ra từ các HĐ.	Có thể lấy các ví dụ khác với SGK. Cho hai HS làm trên bảng, trong khi các HS khác làm vào giấy.

Vận dụng (7 phút)	HS nhận thấy kết luận thu được rất gần gũi với thực tế đời sống.	Trước hết nên cho HS viết số 492 thành tổng giá trị các chữ số của nó: $492 = 4 \times 100 + 9 \times 10 + 2$. <i>Đáp án:</i> 4 tờ 100 nghìn, 9 tờ 10 nghìn và 2 tờ 1 nghìn đồng.
----------------------	--	--

2. SỐ LA MÃ (20 phút)

CẤU PHẦN (Thời lượng)	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	GỢI Ý THỰC HIỆN, ĐÁP ÁN, TRẢ LỜI
 Đọc hiểu – Nghe hiểu (15 phút) Cách viết số La Mã	HS viết được số La Mã từ 1 đến 30.	Cho HS tự đọc, tốt nhất là GV chiếu từng bảng các số La Mã cho HS đọc chung. GV giảng phần nhận xét và cho HS kiểm nghiệm lại <i>Nhận xét 2</i> đối với các số trong bảng cho sẵn.  <i>Trả lời:</i> a) XIV, XXVII. Có thể cho HS luyện tập thêm tại lớp nếu còn thời gian.
 Thử thách nhỏ (5 phút)	Xem như một trò chơi khi HS đã ghi nhớ tương đối về các số La Mã trong bài.	Có thể dựa vào bảng cho sẵn trong SGK. <i>Đáp án:</i> XVIII (18), XXIII (23), XXIV (24), XXVI (26), XXIX (29).

3.2. Lưu ý về bài tập

Có thể cho HS làm tại lớp các Bài 1.6, 1.7, 1.8 và 1.9.

Bài 1.11 đòi hỏi có suy luận đơn giản. Bài 1.12 là một ví dụ thực tế về biểu diễn số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó.

4 Trả lời/Hướng dẫn/Giải một số bài tập

- 1.7. a) Hàng trăm;
b) Hàng chục;
c) Hàng đơn vị.

1.10. Số có sáu chữ số nên hàng cao nhất là hàng trăm nghìn. Chữ số này phải khác 0 nên hàng trăm nghìn là chữ số 9. Từ đó suy ra số cần tìm là 909 090.

1.11. 350. *HD:* Chữ số 5 có giá trị là 50 nên thuộc hàng chục.

1.12. Ta thấy mỗi gói có 10 cái kẹo, mỗi hộp có 100 cái kẹo (10 gói) và mỗi thùng có 1 000 cái kẹo. Người đó mua 9 thùng, 9 hộp và 9 gói kẹo nên tổng số kẹo là

$$9 \times 1\,000 + 9 \times 100 + 9 \times 10 = 9\,990 \text{ (cái kẹo).}$$